

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC CÁC TRƯỜNG HỌC QUẬN 4 NĂM 2018

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Hộ khẩu thường trú	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển
		Nam	Nữ								
1	Lê Nguyễn Thanh Vân		02/09/1991	Cao đẳng	GD mầm non	B	Cơ bản		327/27E Tôn Thất Thuyết, Phường 1, Quận 4	GV mầm non	Mầm non 2
2	Nguyễn Thị Ngọc Vui		15/02/1996	Cao đẳng	GD mầm non	B	A		118/18 Ấp 4, Xã Phước Lộc, Huyện Nhà Bè	GV mầm non	Mầm non 2
3	Lê Thị Khánh Ngọc		02/11/1993	Cao đẳng	GD mầm non	B	B		593 ấp Phú Thuận, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, Bến Tre	GV mầm non	Mầm non 2
4	Nguyễn Ngọc Mai		30/10/1996	Trung cấp	GD mầm non	B	Cơ bản		40/62/35A Nguyễn Khoái, Phường 2, Quận 4	GV mầm non	Mầm non 2
5	Phan Thị Trang		01/06/1989	Trung cấp	GD mầm non	B	Cơ bản		Xã Iabăng, Huyện ChưPrông, Tỉnh Gia Lai	GV mầm non	Mầm non 2
6	Bùi Kim Phụng		01/12/1994	Đại học	GD mầm non	B	Cơ bản		469/6 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh	GV mầm non	Mầm non 2
7	Trần Thị Kim Dung		19/09/1997	Trung cấp	GD mầm non	B	Cơ bản		399/35A Liên tỉnh 5, Phường 5, Quận 8	GV mầm non	Mầm non 2
8	Nguyễn Thị Thanh Thúy		23/12/1987	Cao đẳng	GD mầm non	B	A		45/1 Tôn Thất Thuyết, Phường 3, Quận 4	GV mầm non	Mầm non 2
9	Hoàng Thị Bích Hoa		07/07/1985	Cao đẳng	GD đặc biệt	B	B		014 lô B2 CC Phường 3, Quận 4	GV mầm non	Mầm non 3
10	Nhâm Nguyễn Thanh Trúc		01/08/1997	Trung cấp	SP mầm non	B	Cơ bản		361 Tôn Đản, Phường 15, Quận 4	GV mầm non	Mầm non 3
11	Nguyễn Thụy Minh Thùy		09/08/1984	Cao đẳng	GD mầm non	B	Cơ bản		54 Nguyễn Khoái, Phường 2, Quận 4	GV mầm non	MN Nguyễn Tất Thành
12	Nguyễn Thanh Trúc		10/12/1995	Đại học	GD mầm non	B	A		Ấp Gò Nhum, xã Tân Long Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long	GV mầm non	MN Nguyễn Tất Thành

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Hộ khẩu thường trú	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển
		Nam	Nữ								
13	Hoàng Thị Ái Xuân		15/04/1992	Đại học	GD mầm non	B	A		Khóm 8, TT Sông Đốc, Trần Văn Thời, Cà Mau	GV mầm non	MN Nguyễn Tất Thành
14	Nguyễn Thị Thủy Tiên		06/04/1994	Đại học	GD mầm non	B	A		TDP 12- Khánh Xuân, Buôn Mê Thuật, Đắk Lắk	GV mầm non	MN Nguyễn Tất Thành
15	Phạm Thị Thủy Tiên		05/04/1994	Cao đẳng	GD mầm non	B	B		44/BV, Vĩnh Hòa, Ba Tri, Bến Tre	GV mầm non	MN Nguyễn Tất Thành
16	Nguyễn Thụy Phương Quỳnh		30/01/1987	Đại học	GD mầm non	B	Cơ bản		119 Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4	GV mầm non	MN Nguyễn Tất Thành
17	Phạm Thị Thúy Hằng		19/09/1987	Trung cấp	GD mầm non	B	Cơ bản		253/22 Trần Xuân Soạn, Tân Kiên, Quận 7	GV mầm non	Mầm non 6
18	Nguyễn Thị Hồng Loan		14/12/1987	Trung cấp	GD mầm non	B	B		217 ấp Bình Trung, Xã Bình Khánh, H. Cần Giuộc	GV mầm non	Mầm non 9
19	Trịnh Thị Bích Vân		30/01/1996	Trung cấp	GD mầm non	B	A		195 Nguyễn Huệ, huyện Đak Đoa, Gia Lai	GV mầm non	Mầm non 9
20	Voòng Ân Bình		07/11/1996	Trung cấp	GD mầm non	B	A		Xã Sông Xoài, huyện Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu	GV mầm non	Mầm non 9
21	Nguyễn Thị Mỹ Lệ		21/05/1982	Trung cấp	GD mầm non	B	Cơ bản		20/140 Đoàn Văn Bơ, Phường 9, Quận 4	GV mầm non	Mầm non 9
22	Đoàn Thị Kim Liên		24/09/1995	Cao đẳng	GD mầm non	B	B		Ấp Trung Hiệp Thạnh, xã Trung Lập Thượng, H.Củ Chi	GV mầm non	Mầm non 10
23	Tạ Thị Hân		16/08/1992	Trung cấp	GD mầm non	B	B		Thôn 3, Kim Tân, Iapa, Gia Lai	GV mầm non	Mầm non 10
24	Nguyễn Thị Thanh Trúc		26/02/1994	Đại học	GD mầm non	B	Cơ bản		71/3B Huỳnh Tấn Phát, P. Phú Thuận, Quận 7	GV mầm non	MN Sao Mai 12
25	Lê Thị Thùy Trang		16/10/1995	Đại học	GD mầm non	B	A		Thôn 1, xã Hà Tam, huyện ĐăkPơ, Gia Lai	GV mầm non	MN Sao Mai 12
26	Trần Thị Trang		19/05/1996	Đại học	GD mầm non	Bậc 3/6 (B1)	A		Phú Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	GV mầm non	MN Sao Mai 13

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Hộ khẩu thường trú	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển
		Nam	Nữ								
27	Huỳnh Thị Hường		03/05/1993	Trung cấp	GD mầm non	B	A		874 ấp Bình Trường, xã Bình Khánh, H.Cần Giờ	GV mầm non	MN Sao Mai 13
28	Nguyễn Thị Thủy		11/09/1995	Trung cấp	GD mầm non	B	A		Thôn 4, xã Eaô, huyện EaKar, Đắk Lắk	GV mầm non	MN Sao Mai 13
29	Đặng Thị Ngọc Hương		22/02/1977	Cao đẳng	GD mầm non	B	B		132/47 Đoàn Văn Bơ, Phường 14, Quận 4	GV mầm non	MN Sao Mai 13
30	Huỳnh Kim Chi		20/02/1995	Trung cấp	GD mầm non	B	B		163/14/38 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10	GV mầm non	Mầm non 15
31	Nguyễn Thị Thanh Thúy		04/05/1987	Trung cấp	GD mầm non	B	A		505 Lô B1, Cao ốc An Phúc An Lộc, P.An Phú, Quận 2	GV mầm non	Mầm non 15
32	Huỳnh Thị Xuân Trang		15/03/1995	Trung cấp	GD mầm non	B	Cơ bản		243/78 Tôn Đản, Phường 15, Quận 4	GV mầm non	Mầm non 15
33	Nguyễn Thị Tuyết Mai		26/12/1990	Cao đẳng	GD mầm non	B	A		808 ấp Bình Trường, xã Bình Khánh, H.Cần Giờ	GV mầm non	Mầm non 15
34	Trà Ngọc Phụng		26/11/1980	Trung cấp	GD mầm non	B	Cơ bản		3/10 Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7	GV mầm non	Mầm non Ban Mai
35	Mã Thị Bích Luôn		06/11/1994	Trung cấp	GD mầm non	A2	A		75 Thôn Suối Nhuôm, Sông Lũy, Bắc Bình, Bình Thuận	GV mầm non	Mầm non Ban Mai
36	Trương Thị Anh Thư		01/05/1988	Cao đẳng	GD mầm non	B	B		TK49/13 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1	GV mầm non	Mầm non Ban Mai
37	Hoàng Thị Hà		13/10/1992	Đại học	GD mầm non	B	B		Quảng Minh, Thị xã Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình	GV mầm non	Mầm non Ban Mai
38	Phạm Thị Thanh Hòa		20/04/1982	Cao đẳng	GD mầm non	A	A		Xã Mông Sơn, Yên Bình, Yên Bái	GV mầm non	Mầm non Ban Mai
39	Huỳnh Thị Thu Thảo		27/05/1991	Cao đẳng	GD Tiểu học	A	A		351B Nguyễn Văn Tạo, Ấp 2, Xã Long Thới, H.Nhà Bè	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Vĩnh Hội

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Hộ khẩu thường trú	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển
		Nam	Nữ								
40	Trương Mỹ Hoa		07/12/1995	Cao đẳng	GD Tiểu học	B	A		31 Nguyễn Bình Khiêm, Vĩnh Thanh, Rạch Giá, Kiên Giang	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Vĩnh Hội
41	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		17/10/1995	Đại học	GD Tiểu học	B	A		633 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Vĩnh Hội
42	Nguyễn Thị Hợp		30/08/1996	Đại học	GD Tiểu học	B1	B		310A/3 Ấp Tân Thuận, Tân Hòa, Lai Vung, Đồng Tháp	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Vĩnh Hội
43	Hồ Trúc Thanh		22/05/1989	Đại học	GD Tiểu học	B	B		47/18 Trần Bình Trọng, Phường 5, Q.Bình Thạnh	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Vĩnh Hội
44	Nguyễn Thị Đoan Xuân		24/10/1991	Cao đẳng	GD Tiểu học	B	B		257 Nguyễn Thiện Thuật, Phường 1, Quận 3	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Bạch Đằng
45	Huỳnh Thị Bảy		24/04/1990	Đại học	GD Tiểu học	B	B		169/72/28 Ngô Tất Tố, Phường 22, Q.Bình Thạnh	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Bạch Đằng
46	Phạm Thị Hồng Trang		12/12/1996	Đại học	GD Tiểu học	B	C		200/3 đường ĐHT41, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Đoàn Thị Điểm
47	Trần Đàm Thanh Thảo		15/04/1996	Cao đẳng	GD Tiểu học	B	A		C42 Cư xá Vĩnh Hội, Khánh Hội, Phường 5, Quận 4	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Đoàn Thị Điểm
48	Phạm Thị Xuân Loan		06/08/1989	Đại học	GD Tiểu học	B	B		282/5A Ba Đình, Phường 10, Quận 8	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Lý Nhơn
49	Phan Thị Quỳnh Như		28/05/1996	Cao đẳng	GD Tiểu học	B	Cơ bản		18/2 tổ 7 Ấp 1 xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Lý Nhơn
50	Trần Thị Ngọc Giàu		12/07/1990	Cao đẳng	GD Tiểu học	B	Cơ bản		212 Ấp 3, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Lý Nhơn
51	Hoàng Thị Tố Quyên		06/11/1984	Đại học	GD Tiểu học	B	B		304/66/9 Bùi Đình Túy, Phường 12, Quận Bình Thạnh	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Lý Nhơn

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Hộ khẩu thường trú	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển
		Nam	Nữ								
52	Huỳnh Lạc Tuấn	01/03/1997		Cao đẳng	GD Tiểu học	B	Cơ bản		2/238 Ấp Đồng Hòa, xã Long Hòa, H. Cần Giở	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Lý Nhơn
53	Nguyễn Văn Cường	07/10/1993		Đại học	GD Tiểu học	B	B		TDP8, TT Chư Sê, Chư Sê, Gia Lai	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Lý Nhơn
54	Doãn Đình Vương	19/09/1991		Cao đẳng	GD Tiểu học	B	Cơ bản		Quang Yên, Sông Lô, Vĩnh Phúc	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Lý Nhơn
55	Bùi Thị Ngọc Hân		18/08/1994	Đại học	GD Tiểu học	B	A		Vĩnh Phú, Vĩnh Kim, Châu Thành Tiền Giang	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Lý Nhơn
56	Đinh Thanh Diệu	02/03/1990		Đại học	GD Tiểu học	B	B		Yên Thắng, Yên Hóa, Minh Hòa, Quảng Bình	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Lý Nhơn
57	Phạm Thị Hoa		29/01/1996	Đại học	GD Tiểu học	Bậc 3/6	Cơ bản		Làng Kte2, xã H'Bông, huyện Chư Sê, Gia Lai	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Lý Nhơn
58	Huỳnh Thị Cẩm Tiên		29/08/1996	Đại học	GD Tiểu học	B1	Cơ bản		65/79 Ấp Phú Hòa, xã Vĩnh Bình, Chợ Lách, Bến Tre	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Lý Nhơn
59	Bùi Thị Tuyết Trinh		19/12/1991	Cao đẳng	GD Tiểu học	B	B		48 Ấp 1, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Lý Nhơn
60	Lê Thị Lan Anh		23/10/1995	Đại học	GD Tiểu học	B	A		SN06 TT Đam Ri, Huyện Đa Huoai, Lâm Đồng	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Huệ 1
61	Hàn Tố Hương		27/08/1989	Đại học	GD Tiểu học	B	B		38C Cư xá Vĩnh Hội, Bến Vân Đồn, Phường 5, Quận 4	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Huệ 3
62	Đỗ Phương Trúc		20/06/1994	Đại học	GD Tiểu học	B	Cơ bản		Tổ dân phố 6, thị trấn Phú Túc, huyện KRông Pa, Gia Lai	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Huệ 3
63	Phan Thị Mỹ Dung		10/08/1997	Cao đẳng	GD Tiểu học	B1	Cơ bản		Vĩnh Phú, Phú Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Huệ 3
64	Nguyễn Thị Yên		27/06/1979	Đại học	GD Tiểu học	B	B		668/13 Lê Đức Thọ, Phường 15, Quận Gò Vấp	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Huệ 3

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Hộ khẩu thường trú	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển
		Nam	Nữ								
65	Trần Ngọc Huyền Trang		02/04/1996	Đại học	GD Tiểu học	TOEIC 610	Cơ bản		Thôn 1 Lộc Thành, Bảo Lâm Lâm Đồng	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Huệ 3
66	Hồ Phạm Kim Oanh		04/11/1995	Cao đẳng	GD Tiểu học	B	Cơ bản		62/7B ấp 6, Phú Xuân Nhà Bè	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Huệ 3
67	Lê Bé Hiền		12/02/1990	Đại học	GD Tiểu học	B	B		Ấp 10, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, Cà Mau	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Huệ 3
68	Phạm Hoàng Long	21/04/1996		Đại học	GD Tiểu học	Bậc 4/6	Cơ bản		55/3A Lâm Văn Bền, P. Tân Kiểng, Quận 7	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Văn Trỗi
69	Lê Thị Thúy Loan		23/10/1993	Cao đẳng	GD Tiểu học	A2	B		53 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Văn Trỗi
70	Trần Thanh Trường	22/12/1995		Đại học	GD Tiểu học	B	Cơ bản		Thôn Vân Hội 2, TT Diêu Trì, Tuy Phước, Bình Định	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Văn Trỗi
71	Bùi Thị Đan Phương		29/07/1992	Đại học	GD Tiểu học	B	B		720 Nguyễn Duy Trinh, P. Bình Trưng Đông, Quận 2	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Văn Trỗi
72	Đào Nguyễn Thu Duyên		22/01/1996	Cao đẳng	GD Tiểu học	B	Cơ bản		112/20 Bến Vân Đồn, Phường 9, Quận 4	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Văn Trỗi
73	Nguyễn Minh Nghĩa		02/08/1989	Đại học	GD Tiểu học	B	B		520/1 Ngô Gia Tự, Phường 9, Quận 5	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Văn Trỗi
74	Nguyễn Hồ Sơn Anh	07/11/1983		Cao đẳng	GD Tiểu học	B	A		92B/41/10B Tôn Thất Thuyết, Phường 16, Q.4	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Văn Trỗi
75	Trần Thị Ngọc Thành		13/09/1982	Đại học	GD Tiểu học	B	B		489 Lê Văn Lương, Khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Xóm Chiếu
76	Đặng Thanh Phong	09/10/1988		Đại học	GD Tiểu học	B	B		A14/37F Ấp 1, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Chánh	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Xóm Chiếu
77	Nguyễn Thị Hoa		12/05/1991	Đại học	GD Tiểu học	Bậc 2/6	A		Lăng Ngâm, Gia Bình, Bắc Ninh	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Xóm Chiếu

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Hộ khẩu thường trú	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển
		Nam	Nữ								
78	Nguyễn Thị Kim Nguyên		27/08/1994	Đại học	GD Tiểu học	B	A		188/MT xã Mỹ Thanh, huyện Ba Tri, Bến Tre	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Xóm Chiếu
79	Trần Thị Trinh		15/06/1995	Đại học	GD Tiểu học	TOEIC 415/990	Cơ bản		Thôn Kim Nai, An Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Xóm Chiếu
80	Nguyễn Hữu Vinh	20/02/1988		Đại học	GD Tiểu học	B	B		63/94 Nguyễn Biểu, Phường 1, Quận 5	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Xóm Chiếu
81	Hoàng Thị Thành		12/12/1990	Cao đẳng	GD Tiểu học	B	Cơ bản		Tổ 13, TT Yên Thế, Lục Yên, Yên Bái	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Xóm Chiếu
82	Đoàn Thị Mộng Cầm		16/12/1996	Cao đẳng	GD Tiểu học	Bậc 2/6	Cơ bản		233/10 Ấp 3, xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Tăng Bạt Hổ B
83	Hồ Thị Lệ Huyền		18/07/1992	Cao đẳng	GD Tiểu học	B	Cơ bản		62/7B ấp 6 Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Tăng Bạt Hổ B
84	Trịnh Thị Thu Lan		03/10/1995	Đại học	GD Tiểu học	B	A		40/TQ xã Tân Mỹ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Tăng Bạt Hổ B
85	Phạm Thị Thúy Diễm		13/03/1987	Đại học	GD Tiểu học	B	A		Khóm 3, Phường 1, TX Duyên Hải, Trà Vinh	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Tăng Bạt Hổ B
86	Nguyễn Thị Thanh Truyền		21/01/1995	Đại học	GD Tiểu học	B	A		20 đường 20B thôn 8, xã Hòa Thuận, Buôn Ma Thuột	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thái Bình
87	Bùi Ngọc Trang Thy		08/01/1993	Cao đẳng	GD Tiểu học	B	A		171/21 Tôn Đản, Phường 14, Quận 4	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thái Bình
88	Nguy Quế Châu		14/12/1991	Đại học	GD Tiểu học	ĐH (NN Anh)	B		215C KP6, Phường Phú Khương, Bến Tre	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thái Bình
89	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		15/09/1995	Đại học	GD Tiểu học	B	A		99/49 Cao Thắng, Phường 17, Quận Phú Nhuận	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thái Bình
90	Đặng Thuận Thành	26/08/1996		Đại học	GD Tiểu học	Bậc 4/6	Cơ bản		211 Lô D CC Cô Giang, P. Cô Giang, Quận 1	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thái Bình
91	Nguyễn Thị Diệu Linh		23/02/1996	Đại học	GD Tiểu học	B	Cơ bản		69 Quyết Tiến, P.IaKring, Pleiku, Gia Lai	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thái Bình

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Hộ khẩu thường trú	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển
		Nam	Nữ								
92	Trần Mai Thùy Trang		24/11/1983	Đại học	GD Tiểu học	B	A		303 Lô B CC Tôn Thất Thuyết, Phường 4, Q.4	GV tiểu học dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thái Bình
93	Đoàn Phước Lộc	10/05/1988		Đại học	GD Thể chất	B	Cơ bản		419/117 Huỳnh Văn Bánh, Phường 13, Q. Phú Nhuận	GV tiểu học môn Thể dục	TH Bến Cảng
94	Lê Phước Tâm	04/04/1995		Đại học	GD Thể chất	B	Cơ bản		145/17 Phan Văn Khỏe, Phường 5, Quận 6	GV tiểu học môn Thể dục	TH Bến Cảng
95	Phạm Anh Vương	12/04/1993		Đại học	GD Thể chất	B	B		Tịnh Khê, Quảng Ngãi	GV tiểu học môn Thể dục	TH Bến Cảng
96	Võ Cẩm Hương		03/03/1993	Đại học	GD Thể chất	B	Cơ bản		122/27/77/6 Tôn Đản, Phường 8, Quận 4	GV tiểu học môn Thể dục	TH Lý Nhơn
97	Nguyễn Phước Vinh	24/08/1995		Đại học	GD Thể chất	B	Cơ bản		Ấp Nam, Đông Thạnh, Cần Giuộc, Long An	GV tiểu học môn Thể dục	TH Lý Nhơn
98	Trần A Gol	07/01/1996		Đại học	GD Thể chất	B	Cơ bản		Ấp Đồn A, Thuận Bình, Thạnh Hóa, Long An	GV tiểu học môn Thể dục	TH Lý Nhơn
99	Nguyễn Thị Lan Hương		18/11/1982	Đại học	SP Tiếng Anh	B (Pháp)	Cơ bản		Khu 6, Thị trấn Tràm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	GV tiểu học môn tiếng Anh	TH Lý Nhơn
100	Đỗ Đình Yên	15/04/1994		Cao đẳng	SP Tiếng Anh	B (Trung)	B	C (Anh)	KP11, Phú Túc, KRông Pa, Gia Lai	GV tiểu học môn tiếng Anh	TH Nguyễn Huệ 1
101	Nguyễn Công Vương	20/04/1986		Đại học	Ngôn ngữ Anh	B (Trung)	Cơ bản	Nghị vụ SP	Đội 17 Diêm Điền, An Ninh Tây, Tuy An, Phú Yên	GV tiểu học môn tiếng Anh	TH Bạch Đằng
102	Nguyễn Thị Thanh Thảo		01/10/1992	Đại học	SP Tiếng Anh	Toiec 775	A		Ấp Ngải Lợi, Xã Thân Cửu Nghĩa, Châu Thành, Tiền Giang	GV tiểu học môn tiếng Anh	TH Nguyễn Thái Bình
103	Nguyễn Hoàng Diễm Trang		28/07/1981	Cao đẳng	SP Tiếng Anh	Toiec 825	A		243/40C Bis Tôn Thất Thuyết, Phường 3, Quận 4	GV tiểu học môn tiếng Anh	TH Nguyễn Thái Bình
104	Hoàng Thị Mỹ Linh		20/11/1996	Cao đẳng	Tin học ứng dụng	B	Cao đẳng	Nghị vụ SP	Thôn 7, xã EaKtin, Huyện CưKuin, Đắc Lắc	GV tiểu học môn Tin học	TH Nguyễn Huệ 1

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Hộ khẩu thường trú	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển
		Nam	Nữ								
105	Lê Đức Nhã	10/04/1982		Cao đẳng	Công nghệ thông tin	B	Cao đẳng	Nghị quyết vụ SP	198/11 Nguyễn Thị Thập, Phường Bình Thuận, Quận 7	GV tiểu học môn Tin học	TH Nguyễn Thái Bình
106	Trần Hoàng Đan Phụng		02/08/1986	Đại học	SP Âm nhạc	B	B		Bình Chánh, Bình Sơn, Quảng Ngãi	GV tiểu học môn Âm nhạc	TH Nguyễn Thái Bình
107	Trần Yến Thi		01/11/1995	Cao đẳng	SP Âm nhạc	B	A		40/14/12 Hiệp Nhất, Phường 4, Quận Tân Bình	GV tiểu học môn Âm nhạc	TH Nguyễn Thái Bình
108	Nguyễn Ngọc Hương		06/08/1986	Cao đẳng	GD đặc biệt	A2	A		323 Tôn Thất Thuyết, Phường 1, Quận 4	GV đặc biệt	Chuyên biệt 1 Tháng 6
109	Nguyễn Thị Như Oanh		25/12/1974	Đại học	GD đặc biệt	Cử nhân NV Anh	A		132/179 Đoàn Văn Bơ, Phường 14, Quận 4	GV đặc biệt	Chuyên biệt 1 Tháng 6
110	Nguyễn Đức Trí	24/04/1987		Cao đẳng	GD đặc biệt	B	Cơ bản		Tân An, Thị xã Lagi, Bình Thuận	GV đặc biệt	Chuyên biệt 1 Tháng 6
111	Võ Thị Trúc Anh		24/01/1995	Cao đẳng	SP Địa lý	B	A		Ấp Long Mỹ, xã Phước Thạnh, Mỹ Tho, Tiền Giang	GV THCS môn Địa lý	THCS Vân Đồn
112	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	05/04/1997		Cao đẳng	SP Địa lý	B	Cơ bản		KC36, Khu phố 3, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7	GV THCS môn Địa lý	THCS Vân Đồn
113	Vũ Trần Trung	23/09/1991		Đại học	SP Địa lý	Bậc 3 (B1)	B		Yên Nhon, Yên Mô, Ninh Bình	GV THCS môn Địa lý	THCS Vân Đồn
114	Phan Huỳnh Nguyễn Thùy Ngân		03/08/1994	Đại học	SP Địa lý	B	A		125 Nguyễn Siêu, P.7, TP Đà Lạt, Lâm Đồng	GV THCS môn Địa lý	THCS Vân Đồn
115	Trần Thị Nhân		11/08/1989	Đại học	SP Địa lý	B	A		Khánh Vân, Yên Khánh, Ninh Bình	GV THCS môn Địa lý	THCS Nguyễn Huệ
116	Nguyễn Thụy Mộng Nhung		18/12/1982	Cao đẳng	SP Địa lý	B	A		76 Đường 41, Phường Tân Phong, Quận 7	GV THCS môn Địa lý	THCS Nguyễn Huệ
117	Nguyễn Thị Thanh Thủy		29/09/1991	Đại học	SP Địa lý	B	A		9/37 Phùng Lưu, Thủy Dương, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	GV THCS môn Địa lý	THCS Nguyễn Huệ

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Hộ khẩu thường trú	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển
		Nam	Nữ								
118	Lê Thị Hoa Mận		12/04/1995	Đại học	SP Hóa học	TOEIC 580	B		311 Xã Phước Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An	GV THCS môn Hóa học	THCS Nguyễn Huệ
119	Mai Thị Nhung		21/07/1994	Đại học	SP Hóa học	C	C		Yên Lộc, Kim Sơn, Ninh Bình	GV THCS môn Hóa học	THCS Nguyễn Huệ
120	Lương Đức Mỹ	13/05/1993		Đại học	SP Hóa học	B	B		406T5 CC lô B cư xá Gò Dầu 1, P. Tân Quý, Q. Tân Phú	GV THCS môn Hóa học	THCS Nguyễn Huệ
121	Lê Mạnh Hùng	01/06/1986		Đại học	SP Hóa học	B	A		D162/36 Tổ 36, Khu 5, P. Chánh Nghĩa, TP Thủ Dầu Một	GV THCS môn Hóa học	THCS Nguyễn Huệ
122	Nguyễn Thị Phương Trang		20/06/1994	Cao đẳng	SP Hóa học	B	B		TDP10 thị trấn KBang, huyện KBang, Gia Lai	GV THCS môn Hóa học	THCS Nguyễn Huệ
123	Trần Nhật Minh	14/03/1993		Cao đẳng	SP Hóa học	B	A		65/66/18 Đ5, KP2 Phường Linh Xuân, Q.Thủ Đức	GV THCS môn Hóa học	THCS Nguyễn Huệ
124	Trần Thị Thu Trúc		22/10/1995	Cao đẳng	SP Hóa học	B	A		16 Bình Hòa, Thái Bình, Châu Thành, Tây Ninh	GV THCS môn Hóa học	THCS Nguyễn Huệ
125	Nguyễn Tiến Đạt	06/04/1992		Đại học Thạc sĩ	SP Hóa học Hóa vô cơ	Bậc 3/6	A		193/4D, Văn Thân, Phường 8, Quận 6	GV THCS môn Hóa học	THCS Nguyễn Huệ
126	Đoàn Thị Hà		02/03/1993	Đại học Thạc sĩ	SP Hóa học Hóa LT & Hóa Lý	Bậc 3/6	Cơ bản		Phường An Bình, TX An Khê, Gia Lai	GV THCS môn Hóa học	THCS Nguyễn Huệ
127	Dương Thị Mai		10/07/1995	Đại học	SP Hóa học	B	Cơ bản		Thôn 3, Xã Đồng Trạch, Huyện Bồ Trạch, Quảng Bình	GV THCS môn Hóa học	THCS Nguyễn Huệ
128	Trương Thị Phương Loan		05/11/1989	Đại học Thạc sĩ	SP Hóa học	Bậc 3/6	A		53/181 Đường số 4, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân	GV THCS môn Hóa học	THCS Nguyễn Huệ
129	Nguyễn Thanh Tôn	29/05/1992		Đại học	SP Hóa học	B	B		307 Tỉnh lộ 871, Kiểng Phước, Tiền Giang	GV THCS môn Hóa học	THCS Nguyễn Huệ
130	Vũ Thị Kiều Trang		16/06/1992	Đại học Thạc sĩ	SP Hóa học Hóa vô cơ	Bậc 4/6	Cơ bản		20 ĐX 008, Khu phố 8, Phú Mỹ, Thủ Dầu Một, Bình Dương	GV THCS môn Hóa học	THCS Nguyễn Huệ

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Hộ khẩu thường trú	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển
		Nam	Nữ								
131	Ngô Thị Minh Mẫn		12/05/1992	Đại học	SP Hóa học	B	A		Quảng Phú, Quảng Điện, Thừa Thiên Huế	GV THCS môn Hóa học	THCS Nguyễn Huệ
132	Bùi Thị My Nương		02/08/1991	Đại học Thạc sĩ	SP Hóa học Hóa LT & Hóa Lý	TOEIC 530	Cơ bản		285 Ấp Phú Thạnh, xã Long Phụng, Huyện Cần Giuộc, Long An	GV THCS môn Hóa học	THCS Nguyễn Huệ
133	Nguyễn Thị Kiều Như		01/09/1993	Đại học Thạc sĩ	SP Hóa học Hóa LT & Hóa Lý	B	Cơ bản		Bình Tân, Tây Sơn, Bình Định	GV THCS môn Hóa học	THCS Nguyễn Huệ
134	Nguyễn Thị Cẩm Tú		10/05/1986	Đại học	SP Ngữ văn	B	A		308/87/2 Huỳnh Tấn Phát, P.Tân Thuận Tây, Quận 7	GV THCS môn Ngữ văn	THCS Chi Lăng
135	Trần Thị Miên		30/12/1989	Cao đẳng	SP Ngữ văn	B	Cơ bản		122 Lê Vĩnh Hòa, Phú Thọ Hòa, Tân Phú	GV THCS môn Ngữ văn	THCS Chi Lăng
136	Nguyễn Hữu Mỹ Nhi		22/09/1996	Cao đẳng	SP Ngữ văn	B	A		64/53/2B Nguyễn Khoái, Phường 2, Quận 4	GV THCS môn Ngữ văn	THCS Chi Lăng
137	Trần Thị Bích Nhuận		02/03/1992	Đại học	SP Ngữ văn	B	Cơ bản		Sơn Hà, Nho Quan, Ninh Bình	GV THCS môn Ngữ văn	THCS Quang Trung
138	Lê Thị Dung		13/03/1987	Cao đẳng	SP Ngữ văn	B	A		Xóm 6, xã Hợp Thắng, Triệu Sơn, Thanh Hóa	GV THCS môn Ngữ văn	THCS Quang Trung
139	Nguyễn Ngọc Hạnh		1989	Đại học	SP Ngữ văn	B	A		Ấp Mỹ Thạnh, Xã Mỹ An, Chợ Mới, An Giang	GV THCS môn Ngữ văn	THCS Quang Trung
140	Hồ Như Thủy		29/11/1996	Đại học	SP Sinh học	B	Cơ bản		251/TĐ xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	GV THCS môn Sinh học	THCS Khánh Hội A
141	Đoàn Thị Thanh Yến		05/10/1990	Đại học Thạc sĩ	SP Sinh học	B	B		Eah'leo Đăk Lăk	GV THCS môn Sinh học	THCS Khánh Hội A
142	Hồ Như Thảo		28/07/1995	Đại học	SP Sinh học	Bậc 3/6	Cơ bản		Ấp 6, xã Mỹ Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	GV THCS môn Sinh học	THCS Quang Trung
143	Phạm Thị Hồng Lý		12/08/1995	Đại học	SP Sinh học	B	Cơ bản		xã Tân Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	GV THCS môn Sinh học	THCS Quang Trung

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Hộ khẩu thường trú	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển
		Nam	Nữ								
144	Nguyễn Thị Hoài Thương		01/05/1995	Đại học	SP Sinh học	B	B		TDP3, Nông Trường Việt Trung, Bó Trạch, Quảng Bình	GV THCS môn Sinh học	THCS Quang Trung
145	Nguyễn Hà Phương		26/09/1993	Đại học	SP Sinh học	TOEIC 475	B		Xã Bàu Hàm, Trảng Bom, Đồng Nai	GV THCS môn Sinh học	THCS Nguyễn Huệ
146	Hoàng Thị Nguyệt		12/02/1995	Đại học	SP Sinh học	Bậc 3/6	Cơ bản		Xóm 4, Hương Sơn, Tân Kỳ, Nghệ An	GV THCS môn Sinh học	THCS Nguyễn Huệ
147	Phạm Thị Thúy		10/07/1996	Đại học	SP Sinh học	B	Cơ bản		06 lầu 2, Chung cư 47, Phạm Đôn, Phường 10, Quận 5	GV THCS môn Sinh học	THCS Vân Đồn
148	Lương Thị Hạnh		13/09/1990	Đại học Thạc sĩ	SP Sinh học	B	A		57/82 Trần Bình Trọng, Phường 1, Quận 5	GV THCS môn Sinh học	THCS Vân Đồn
149	Nguyễn Thị Ngọc Hà		14/08/1993	Đại học	SP Sinh học	B	A		004 Lô L Chung cư Ngõ Gia Tự, P.2, Quận 10	GV THCS môn Sinh học	THCS Vân Đồn
150	Đỗ Thị Diệu Hằng		03/01/1995	Đại học	SP Tiếng Anh	A (Trung)	A	B2 (Anh)	Thôn Hương Bình I, xã Đa Lây, huyện Đa Tắc, Lâm Đồng	GV THCS môn Tiếng Anh	THCS Khánh Hội A
151	Dương Nguyễn Yến Phương		24/03/1996	Cao đẳng	SP Tiếng Anh	B (Pháp)	Cơ bản	B2 (Anh)	394 Hoàng Diệu, Phường 5, Quận 4	GV THCS môn Tiếng Anh	THCS Chi Lăng
152	Công Huyền Tôn Nữ Hương Giang		19/01/1995	Đại học	SP Tiếng Anh	A (Trung)	A	C (Anh)	108/8A Trần Quang Diệu, Phường 14, Quận 3	GV THCS môn Tiếng Anh	THCS Quang Trung
153	Trịnh Thị Mỹ Linh		22/08/1984	Đại học	SP Tiếng Anh	B (Pháp)	A	Nghiệp vụ SP	66 Trương Văn Thành, P. Hiệp Phú, Quận 9	GV THCS môn Tiếng Anh	THCS Quang Trung
154	Nguyễn Minh Thành	01/01/1981		Đại học	SP Toán học	B	Nâng cao		78/35/1 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, Quận 4	GV THCS môn Toán	THCS Quang Trung
155	Nguyễn Thành Trung	09/06/1986		Đại học Thạc sĩ	SP Toán học Đại số & LT số	B1	B		383 An Phú Thuận, Châu Thành, Đồng Tháp	GV THCS môn Toán	THCS Quang Trung
156	Phạm Nhon Quý	02/10/1989		Đại học Thạc sĩ	SP Toán học Toán giải tích	B1	A		941/13/4/2 Trần Xuân Soạn, Tân Hưng, Quận 7	GV THCS môn Toán	THCS Quang Trung

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Hộ khẩu thường trú	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển
		Nam	Nữ								
157	Phạm Minh Sơn	22/09/1979		Đại học	SP Toán học	Bậc 3/6 (B1)	Cơ bản		759 ấp Bình Trường, xã Bình Khánh, Cần Giờ	GV THCS môn Toán	THCS Quang Trung
158	Hoàng Thị Quyên		07/02/1991	Cao đẳng	SP Toán học	B	B		Khả Cảnh, Hồng Tiến, Kiến Xương, Thái Bình	GV THCS môn Toán	THCS Quang Trung
159	Nguyễn Hồng Khuôn		23/09/1983	Đại học	SP Toán học	B	A		206 Lô K, Đoàn Văn Bơ, Phường 9, Quận 4	GV THCS môn Toán	THCS Quang Trung
160	Nguyễn Văn Nhuận	23/08/1993		Đại học	SP Toán học	B	B		105 Cả Gừa, Thạnh Hưng, Kiến Tường, Long An	GV THCS môn Toán	THCS Quang Trung
161	Đỗ Thị Tuyết Trang		20/05/1995	Đại học	SP Toán học	Bậc 2/6	Cơ bản		105/3 Lê Lợi, Phường Thắng Nhị, Vũng Tàu	GV THCS môn Toán	THCS Quang Trung
162	Võ Thụy Thùy Châu		02/05/1995	Cao đẳng	SP Toán học	B	A		Bình Tiên 2, Đức Hòa Hạ, Đức Hòa, Long An	GV THCS môn Toán	THCS Quang Trung
163	Nguyễn Thị Ngọc		12/05/1991	Cao đẳng	SP Toán học	B	Cơ bản		39/48/8/5 đường 102, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9	GV THCS môn Toán	THCS Quang Trung
164	Võ Bảo Thạch	21/04/1991		Đại học	SP Toán học	B	B		Áp 1, xã Phú Điền, huyện Tân Phú, Đồng Nai	GV THCS môn Toán	THCS Quang Trung
165	Dương Thị Khánh Linh		13/04/1982	Đại học	SP Âm nhạc	C	A		113 chung cư Phường 6 Quận 4	GV THCS môn Âm nhạc	THCS Khánh Hội A
166	Lê Trung Tuấn	03/10/1985		Đại học	SP Âm nhạc	B	Cơ bản		Tổ DP 3, P. Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa, Đắk Nông	GV THCS môn Âm nhạc	THCS Khánh Hội A
167	Trần Thị Trúc Ly		01/04/1997	Cao đẳng	SP KT gia đình (KT Nữ công)	B	Cơ bản		182/8 Ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	GV THCS môn Công nghệ	THCS Vân Đồn
168	Nguyễn Tấn Phát	03/03/1997		Cao đẳng	Kỹ thuật công nghiệp	B	A		86 ấp Bình Trung, xã Bình Khánh, Cần Giờ	GV THCS môn Công nghệ	THCS Tăng Bạt Hổ A
169	Nguyễn Nữ Mỹ Linh		03/11/1997	Cao đẳng	SP Vật lý - KTCN	Bậc 2/6	Cơ bản		Thôn Thuận Lộc, xã Đa Lây, Đa Tềh, Lâm Đồng	GV THCS môn Công nghệ	THCS Quang Trung

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Hộ khẩu thường trú	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển
		Nam	Nữ								
170	Trương Thị Thanh Thanh		12/10/1984	Đại học	Hóa học	B	A	Nghiệp vụ SP	6/33 KP2 Phường Phú Bình, TX Long Khánh, Đồng Nai	GV THPT môn Hóa học	Trung tâm GDNN-GDTX Q4
171	Lê Thị Ái Nhã		24/01/1988	Đại học	Hóa học	B	A	Nghiệp vụ SP	Bến Sấn. Phước Thiện, Nhơn Trạch, Đồng Nai	GV THPT môn Hóa học	Trung tâm GDNN-GDTX Q4
172	Trần Thị Vân		10/02/1989	Đại học	SP Hóa học	B	A		707 Lô A CC Ehome Đông Sài Gòn 2, KP6, P.Phước Long B, Quận 9	GV THPT môn Hóa học	Trung tâm GDNN-GDTX Q4
173	Nguyễn Thị Thu Trang		03/07/1994	Đại học	SP Hóa học	B	A		Ấp Phước Đông, xã Phước Chi, Trảng Bàng, Tây Ninh	GV THPT môn Hóa học	Trung tâm GDNN-GDTX Q4
174	Trần Hải Phương		06/09/1992	Đại học Thạc sĩ	SP Hóa học Hóa hữu cơ	B1	B		Xã Thủy Phù, huyện Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	GV THPT môn Hóa học	Trung tâm GDNN-GDTX Q4
175	Lương Văn Hùng	01/02/1992		Đại học	Hóa học	B	B	Nghiệp vụ SP	Khóm 7, Phường 5, TP Cà Mau	GV THPT môn Hóa học	Trung tâm GDNN-GDTX Q4
176	Võ Thị Ngô Duy		17/8/1995	Đại học	SP Ngữ văn	A2	Cơ bản		5M3 ấp 5 xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh	GV THPT môn Ngữ văn	Trung tâm GDNN-GDTX Q4
177	Văn Thị Ngọc		06/11/1995	Đại học	SP Toán học	Bậc 3/6	Cơ bản		Xóm 6, Xã Bắc Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An	GV THPT môn Toán	Trung tâm GDNN-GDTX Q4
178	Vũ Thị Hồng Bích		27/03/1992	Đại học	SP Toán học	B	Cơ bản		Quảng Tân, Đầm Hà, Quảng Ninh	GV THPT môn Toán	Trung tâm GDNN-GDTX Q4
179	Hà Vĩnh Lợi	15/07/1992		Đại học	SP Toán học	A2	B		699 ấp 4, xã Tân Thanh. Huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	GV THPT môn Toán	Trung tâm GDNN-GDTX Q4

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Hộ khẩu thường trú	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển
		Nam	Nữ								
180	Nguyễn Minh Phái	26/07/1987		Đại học	Toán học	B	A		Xã Phước Vĩnh Tây, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	GV THPT môn Toán	Trung tâm GDNN-GDTX Q4
181	Nguyễn Thị Thu Nga		01/11/1983	Trung cấp	Văn thư lưu trữ	B	A		576/112/14 Đoàn Văn Bơ, Phường 14, Quận 4	Nhân viên văn thư	Mầm non 3
182	Đặng Thị Kim Thu		20/01/1994	Trung cấp	Văn thư lưu trữ	B	A		93/6/19 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh	Nhân viên văn thư	Mầm non 18
183	Nguyễn Hoàng Mai Khánh		27/07/1996	Cao đẳng	Thư ký Văn phòng	Toeic 300	Cơ bản		482/10/36/9 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh	Nhân viên văn thư	TH Lý Nhơn
184	Huỳnh Ngọc Trâm		20/02/1990	Trung cấp	Hành chính - Văn thư	Toiec 320	A		36 Tôn Thất Thuyết, Phường 18, Quận 4	Nhân viên văn thư	THCS Chi Lăng
185	Nguyễn Văn Ngọc Tuấn	14/12/1985		Cao đẳng	Tiếng Anh	Cao đẳng	B	Văn thư lưu trữ	430/18 Điện Biên Phủ, P.17, Q.Bình Thạnh	Nhân viên văn thư	TH Vĩnh Hội
186	Phạm Ngọc Thảo		20/11/1995	Đại học	Khoa học thư viện	Toiec 545	A		Áp Trà Ngao, xã Trà Côn, huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long	Nhân viên thư viện	TH Đoàn Thị Điểm
187	Lê Thị Kim Xuân		28/09/1984	Trung cấp	Thư viện - thiết bị	B	A		129F/123/157 Bến Vân Đồn, Phường 8, Quận 4	Nhân viên thư viện	TH Xóm Chiếu

Tổng cộng danh sách có 187 thí sinh.